TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: **148**/2020/QĐST-HNGĐ	*Châu Thành, ngày 12 tháng 11 năm 2020*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 254/2020/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 10 năm 2020, giữa:

- *Nguyên đơn:* Chị Lê Thị Đ, sinh năm 1981.

Địa chỉ: Ấp Q, thị trấn C, huyện C, tỉnh Sóc Trăng. Chổ ở hiện nay: Ấp Đ, xã K, huyện C, tỉnh Sóc Trăng.

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Thành C, sinh năm 1984.

Địa chỉ: Ấp Q, thị trấn C, huyện C, tỉnh Sóc Trăng.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 04 tháng 11 năm 2020.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 04 tháng 11 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Lê Thị Đ và anh Nguyễn Thành C.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị Đ và anh Nguyễn Thành C tự nguyện thuận tình ly hôn với nhau.

2.2. Về con chung: Chị Lê Thị Đ và anh Nguyễn Thành C thống nhất giao hai con chung tên Nguyễn Thị Như Y, sinh ngày 23 tháng 3 năm 2006 và

Nguyễn Thị Như N, sinh ngày 24 tháng 5 năm 2013 cho chị Lê Thị Đ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi đủ 18 (mười tám) tuổi.

Anh Nguyễn Thành C không phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh Nguyễn Thành C có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

2.3. Về tài sản chung và nợ chung: Chị Lê Thị Đ và anh Nguyễn Thành C thống nhất là tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

2.4. Về án phí sơ thẩm: Chị Lê Thị Đ tự nguyện chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn số tiền là 150.000 đồng (bằng chữ: Một trăm năm mươi nghìn đồng), được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (bằng chữ: Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2017/0005279 ngày 06 tháng 10 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng. Hoàn trả cho chị Lê Thị Đ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 150.000 đồng (bằng chữ: Một trăm năm mươi nghìn đồng).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND huyện Châu Thành;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành;
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- UBND xã Hồ Đắc Kiện, huyện Châu Thành;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Cao Thành Đạt